

Số: 2154/QĐ-UBND

Bến Cát, ngày 30 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở
Công trình Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐH606 đến giáp đường
vành đai Bắc Mỹ Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về quy định về một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Công văn số 2982/SXD-KHTĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương về việc thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐH606 đến giáp đường vành đai Bắc Mỹ Phước;

Xét Tờ trình số 234/TTr-KTHTĐT ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị thành phố Bến Cát 2025 và Thông báo kết quả thẩm định số 2982/SXD-KHTĐ ngày 12 tháng 6 năm 2025 Sở Xây dựng tỉnh Bình Dương; Báo cáo số 149/BC-BQL ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố về điều chỉnh theo góp ý của Sở Xây dựng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐH606 đến giáp đường vành đai Bắc Mỹ Phước với các nội dung chủ yếu như sau:

- Người phê duyệt: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Bến Cát.
- Tên công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐH606 đến giáp đường vành đai Bắc Mỹ Phước.

3. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình giao thông (đường bộ),
- Cấp công trình: Cấp II (Theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ xây dựng).

4. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ ĐH606 đến giáp đường vành đai Bắc Mỹ Phước.

5. Địa điểm xây dựng: phường An Điền, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

6. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Liên danh Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Thiên Phúc Long và Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Đại Sao Việt.

7. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng: Liên danh Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Thiên Phúc Long và Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Đại Sao Việt.

8. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng: Công ty Cổ phần IDECO Việt Nam.

9. Quy mô, giải pháp thiết kế:

9.1. Quy mô:

Tổng chiều dài tuyến khoảng	2.468,09 m
-----------------------------	------------

Trong đó:

▪ Tuyến chính	1.398,00 m
▪ Tuyến số 1	182,75 m
▪ Tuyến số 2	186,76 m
▪ Tuyến số 3	187,73 m
▪ Tuyến số 4	512,85 m

- Kết cấu mặt đường	Bê tông nhựa nóng
---------------------	-------------------

- Kết cấu hè đường	Lát gạch bê tông
--------------------	------------------

- Độ dốc ngang mặt đường	2%
--------------------------	----

- Độ dốc ngang hè đường	1%
-------------------------	----

- Xây dựng hệ thống thoát nước mưa: Bố trí cống dọc hai bên tuyến.

- Xây dựng hệ thống chiếu sáng: Bố trí dọc tuyến.

- Xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục: vỉa hè, cây xanh, hệ thống an toàn giao thông, di dời lưới điện trung, hạ thế & trạm biến áp, ... theo đúng tiêu chuẩn đường đô thị, đảm bảo về yêu cầu kỹ thuật và điều kiện khai thác.

9.1.1 Tuyến chính

a. Đoạn từ Km0+000 ÷ Km0+402,04 và đoạn Km0+905,7 ÷ Km1+398

- Chiều rộng mặt đường	7,5m x hai bên
------------------------	----------------

- Chiều rộng DPC giữa 7,0 m
- Chiều rộng vỉa hè 5,0m x hai bên
- Chiều rộng nền đường 32,0 m
- Phạm vi giải phóng mặt bằng 32,0 m

b. Đoạn từ Km0+402,04 ÷ Km0+905,7

- Chiều rộng mặt đường 7,5m x hai bên
- Chiều rộng vỉa hè bên phải 5,0m
- Chiều rộng DPC giữa (phạm vi đất dự trữ) 7,0 m
- Chiều rộng DPC ngăn cách tuyến chính với đường nội bộ KDC 3,0 m

Trong đó:

- + Phần dải phân cách 2,0 m
- + Dải an toàn 0,50m x hai bên
- Phạm vi mở rộng nền đường (giải phóng thêm mặt bằng) 30,0 m
- Chiều rộng nền đường nội bộ khu dân cư Rạch Bắp 9,0 m

Trong đó:

- + Phần đường xe chạy 6,0 m
- + Phần vỉa hè bên trái 3,0 m
- Tổng chiều rộng nền đường 39,0 m

9.1.2 Tuyến số 1

- Chiều rộng mặt đường 8,0 m
- Chiều rộng vỉa hè 4,0m x hai bên
- Chiều rộng nền đường 16,0 m

- Phần giữa tuyến số 1 và đường nội bộ khu dân cư được thiết kế dải trồng cây xanh có chiều rộng 5,68 ÷ 5,94m.

- Tổng nền đường bao gồm tuyến 1 và đường nội bộ KDC 40,0 m

9.1.3. Tuyến số 2, Tuyến số 3 nối từ tuyến chính (Km1+237,00) đến tuyến số 4 (Km0+354,98) và tuyến số 4 (Đoạn từ Km0+354,98 ÷ Km0+512,85)

- Chiều rộng mặt đường 8,0 m
- Chiều rộng vỉa hè 4,0m x 2 bên
- Chiều rộng nền đường 16,0 m

9.2 Giải pháp thiết kế

9.2.1. Bình đồ tuyến

9.2.1.1. Tuyến chính

Tuyến có chiều dài 1.398,0m, đầu tuyến bắt đầu giáp đường ĐH.606 (đường 7A), điểm cuối giáp đường vành đai bắc Mỹ Phước. Tuyến có 04 đỉnh chuyển hướng, các giao lộ chỉ thiết kế mở rộng theo mặt đường hiện hữu với bán kính từ $R=10,0 \div 30,0m$.

9.2.1.2. Tuyến số 1

Tuyến có chiều dài 182,75m, đầu tuyến nối từ tuyến chính (Km0+905,70) đến tuyến số 4 (Km0+000). Tuyến không có đỉnh chuyển hướng, các giao lộ chỉ thiết kế mở rộng với bán kính $R=10,0m$.

9.2.1.3. Tuyến số 2

Tuyến có chiều dài 186,76m, đầu tuyến nối từ tuyến chính (Km1+161,80) đến tuyến số 4 (Km0+278,98). Tuyến không có đỉnh chuyển hướng, các giao lộ chỉ thiết kế mở rộng với bán kính $R=10,0m$.

9.2.1.4. Tuyến số 3

Tuyến có chiều dài 187,73m, đầu tuyến nối từ tuyến chính (Km1+237,80) đến tuyến số 4 (Km0+354,98). Tuyến không có đỉnh chuyển hướng, các giao lộ chỉ thiết kế mở rộng với bán kính $R=10,0m$.

9.2.1.5. Tuyến số 4

Tuyến có chiều dài 512,85m, đầu tuyến tiếp giáp với tuyến đường nội bộ của khu dân cư An Điền, điểm cuối đến vành đai bắc Mỹ Phước. Tuyến không có đỉnh chuyển hướng, các giao lộ chỉ thiết kế mở rộng với bán kính $R=10,0 \div 12,0m$.

9.2.2. Thiết kế kết cấu mặt đường

9.2.2.1. Tuyến chính, tuyến số 1, 2, 3 và tuyến số 4 (đoạn từ Km0+354,98 ÷ Km0+512,58)

Kết cấu nền và mặt đường được thiết kế như sau:

- Trãi lớp BTNN hạt mịn (BTNC C9.5) dày 04cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$; $E \geq 150Mpa$, trên lớp nhũ tương gốc axit phân tích chậm CSS-1h tiêu chuẩn 0,5 Kg/m².

- Trãi lớp BTNN hạt trung (BTNC C19) dày 06cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$; $E \geq 145Mpa$, trên lớp nhũ tương gốc axit phân tích chậm CSS-1h tiêu chuẩn 1,0 Kg/m².

- Trãi cấp phối đá dăm loại 1 ($D_{max}=25mm$) lớp trên dày 25cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$; $E \geq 120MPa$.

- Đắp lớp đất C3 (sỏi đỏ) dày 30cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$;

- Đắp lớp đất C3 (tận dụng), lu lèn đạt $K \geq 0,98$.

9.2.2.2. Tuyến số 4 (đoạn từ Km0+000 ÷ Km0+354,98)

Trải lớp BTNN hạt mịn (BTNC C9.5) dày trung bình 4,8cm, lu lèn đạt $K \geq 0,98$; $E \geq 150\text{Mpa}$, trên lớp nhũ tương gốc axit phân tích chậm CSS-1h tiêu chuẩn $0,5\text{ Kg/m}^2$.

9.2.3. Kết cấu hè đường

9.2.3.1. Bó vỉa

Bó vỉa tuyến bằng bê tông đá 1x2 M250, rộng 55cm, hình dạng lòng máng. Đinh bó vỉa cao hơn mặt đường 12,50cm, lớp lót móng bó vỉa bằng bê tông đá 1x2 M150 dày 10cm, bên dưới là lớp cấp phối đá dăm 0x4.

9.2.3.2. Phần hè đường

Dọc hai bên tuyến đường chủ yếu là nhà + vườn cây có mật độ thấp, mặt khác để tránh việc đào hè đường để đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật (như cấp nước sinh hoạt, hệ thống thông tin liên lạc và hệ thống thoát thải, ...). Theo dự án đã được duyệt, phần hè đường (loại rộng 5,0m) được chia làm hai phần, phần vỉa hè dành cho người đi bộ và phần dải trồng cây xanh.

9.2.4. Cây xanh

- Cây xanh được trồng dọc hai bên tuyến nhằm tạo bóng mát, đồng thời tạo nên hàng rào ngăn cách bụi, tiếng ồn cho nhân dân sống hai bên đường.
- Đơn vị tư vấn kiến nghị trồng cây trung mộc (Giáng Hương, Sưa Đỏ, Me Chua, Bằng Lăng tím, ... loại cây cụ thể sẽ do chủ đầu tư lựa chọn).
- Cây xanh trồng cách mép đường xe chạy 217,5cm, phải đảm bảo chiều cao tối thiểu từ 4,0m. Đường kính thân cây tại chiều cao tiêu chuẩn $\geq 15\text{cm}$, chiều cao tiêu chuẩn đo từ gốc cây lên cao 1,30m.
- Đối với loại bồn cây: Bồn cây có kích thước (1,50x1,50)m đổ bằng cấu kiện bê tông cốt thép đá 1x2 M250 dày 15cm, chiều cao bồn cây 30cm, trong lòng bồn cây xanh lát gạch số 8, kích thước gạch (20x40x8)cm, mác 200.
- Bồn góc cây trồng được bố trí 04 cây chống bằng gỗ $\varnothing 100\text{mm}$ cao 3,5m, được liên kết với các nẹp gỗ 50x100mm liên kết giữ chặt cây khỏi nghiêng đổ. Cây xanh cách mép đường là $2,7 \div 3,7\text{m}$ (tính từ tim cây xanh đến mép đường), khoảng cách giữa các cây trồng $\geq 7,0\text{m}$.

9.2.5. Hệ thống an toàn giao thông

Bố trí biển báo tại các ngã tư đầu tuyến, các điểm giao nhau với đường nhánh, nơi bố trí vạch sơn cho người đi bộ thường xuyên qua lại, ... Sơn đường bằng sơn phản quang. Quy cách sơn đường, biển báo theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2024/BGTVT.

Xây dựng mới 03 chốt tín hiệu giao thông tại giao lộ đầu tuyến (giao với đường ĐH606), ngã ba tại KM 0+643, ngã ba tại Km0+892 (giao lộ với đường số 1).

9.2.6. Hệ thống thoát nước dọc

Hệ thống thoát nước dọc được xây dựng hoàn chỉnh dọc hai bên đường, cụ thể như sau:

9.2.6.1. Tuyến chính

- Phía bên trái tuyến:

+ Đoạn từ Km0+006,31 ÷ Km0+624,22: lắp đặt cống tròn đúc sẵn BTCT Ø80cm.

+ Đoạn từ Km0+624,22 ÷ Km1+244,46: lắp đặt cống tròn đúc sẵn BTCT Ø100cm.

+ Đoạn từ Km1+244,46 ÷ Km1+398,00: lắp đặt cống tròn đúc sẵn BTCT Ø120cm.

- Phía bên phải tuyến:

+ Đoạn từ Km0+8,8 ÷ Km0+633,92: lắp đặt cống tròn đúc sẵn BTCT Ø80cm.

+ Đoạn từ Km0+633,92 ÷ Km1+404,17: lắp đặt cống tròn đúc sẵn BTCT Ø100cm.

- Tại vị trí cuối tuyến: Đầu tư tuyến cống hộp 80x80, L=10,0m, kết nối mương xây 80xH hiện hữu vào giếng thu GT59.

- Tại vị trí cuối tuyến (phía tiếp giáp nhà dân): Đầu tư tuyến cống hộp 60x60 đầy đan thép thu nước mặt, L=48,0m.

9.2.6.2. Tuyến số 1, 2, 3 và tuyến số 4 (từ Km0+368,91 ÷ Km0+512,85):

- Lắp đặt cống tròn đúc sẵn BTCT Ø80cm dọc hai bên tuyến.

- Riêng hệ thống thoát nước đoạn từ Km0+000 ÷ Km0+368,91 (hai bên) của tuyến số 4 đã được đầu tư xây dựng trong hồ sơ báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án: đường vào Trung tâm y tế xã An Điền.

- Tại vị trí cuối tuyến: Xây dựng cống hộp 80x80 đầy đan bê tông cốt thép, L=39,0m. Kết nối từ giếng thu T4-6 đến giếng thu P4-7.

- Trung bình khoảng 30,0m bố trí một giếng thu nước và lắng cát, lưới chắn rác bằng thép mạ kẽm.

- Ống cống sử dụng loại cầu kiện đúc sẵn trong nhà máy bằng công nghệ rung ép. Trong công trình sử dụng ống cống có đường kính tối thiểu là Ø800mm để thuận lợi cho công tác duy tu, bảo dưỡng trong quá trình khai thác.

- Giếng thu cống dọc được đúc sẵn phân đoạn dưới bằng BTCT đá 1x2 mác 250, sau đó lắp đặt vào vị trí, hạ chỉnh cống dọc và đúc tiếp phân đoạn còn lại. Giếng thu Ø80cm kích thước (1,60x1,40)m, giếng thu Ø100cm kích thước (1,90x1,60)m, giếng thu Ø120cm kích thước (2,20x1,60)m.

- Móng công tròn sử dụng gỏi công đúc sẵn và đặt trên nền thiên nhiên, những đoạn công bằng ngang giao lộ hoặc đường nhánh móng công được thiết kế dạng móng băng đổ tại chỗ và đặt trên nền thiên nhiên.

- Hệ thống thoát nước dọc hai bên tuyến chỉ thu nước mưa trên mặt đường và một phần nước mặt trên địa hình dọc tuyến, không thu gom nước thải từ các hộ dân và các cơ sở sản xuất kinh doanh sống trong khu vực.

9.2.6.3. Hướng thoát nước

Hệ thống thoát nước của dự án được định hướng đầu nối nào hệ thống thoát nước mưa của dự án đường Vành đai Bắc Mỹ Phước (hướng thoát nước từ đầu tuyến về cuối tuyến); Tuy nhiên, hiện nay dự án đường Vành đai Bắc Mỹ Phước chưa được đầu tư xây dựng; do đó, hệ thống thoát nước mưa của dự án được đầu nối vào mương đá hộc 80xH(cm) hiện hữu, nằm dọc theo tuyến đường địa phương do Ủy ban nhân dân phường An Điền quản lý; Ngoài ra, hệ thống thoát nước bên phải tuyến được đầu nối vào hệ thống thoát nước của Khu dân cư Huỳnh Tấn Phát. Từ hai điểm đầu nối trên, nước mưa được thoát về hệ thống thoát nước hiện hữu trên đường ĐT.748 và chảy về hướng sông Thị Tính.

9.2.7. Hệ thống chiếu sáng

- Đèn chiếu sáng sử dụng loại đèn chiếu sáng theo công nghệ LED.
- Công suất điện của 01 bộ đèn: 120W.
- Sử dụng loại trụ tròn côn, không liền cần cao 8m.
- Sử dụng loại cần cao 1,5m và vược 1,7m.
- Với tổng công suất của hệ thống: 18,00 kW, được phân bổ cho 03 tủ điều khiển
- Do lưới điện hạ áp trong dự án chưa được đầy đủ, nên cần lắp đặt 01 trạm biến áp có công suất 25kVA để cấp điện cho tủ điều khiển 02 và 03. Riêng tủ điều khiển 01 được lấy điện từ lưới hạ thế hiện hữu.

9.2.8. Hệ thống tín hiệu giao thông

- Nguồn điện: Sử dụng nguồn điện hạ thế hiện hữu.
- Các thông số kỹ thuật và giải pháp lắp đặt:
 - + Trụ cao 6m vược 6m, Trụ cao 6m vược 9m, Trụ cao 6m vược 2 hướng (3m và 6m), Trụ tủ cao 1m
 - + Đèn LED, Móng trụ đèn, Tủ điều khiển, Móng tủ điều khiển, Cáp dẫn, Mương cáp, Hệ thống tiếp địa.

10. Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: 15 năm.

11. Giá trị dự toán xây dựng: **82.216.998.990 đồng** (Bằng chữ: Tám mươi hai tỷ, hai trăm mười sáu triệu, chín trăm chín mươi tám ngàn, chín trăm chín mươi đồng), trong đó:



- Chi phí xây dựng sau thuế:	67.346.585.328 đồng.
- Chi phí thiết bị:	76.953.515 đồng.
- Chi phí quản lý dự án:	1.259.287.823 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	3.845.864.539 đồng.
- Chi phí khác:	1.309.287.379 đồng.
- Chi phí dự phòng:	8.379.020.406 đồng.

12. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng:

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng;

- QCVN 07:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về “các công trình hạ tầng kỹ thuật”.

- Quy chuẩn QCVN 10:2014/BXD “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng”.

- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT;

- TCVN 13592:2022: Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 4054-2005: Đường Ô tô - Yêu cầu thiết kế.

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 37:2022/TCĐBVN - “Áo đường mềm - yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế theo chỉ số kết cấu (SN)”;

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 38:2022/TCĐBVN - “Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế”;

- TCVN 9845:2013 “Tính toán đặc trưng dòng chảy lũ”.

- TCVN 5574:2012 “ Tiêu chuẩn thiết kế kết cấu BTCT”

- Tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957:2008: “Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài”.

- Tiêu chuẩn thiết kế chiếu sáng cộng cộng TCXDVN 259:2001;

- Tiêu chuẩn cơ sở TCCS 31:2020/TCĐBVN - “Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát”;

- Quy trình thiết kế đường ô tô (phần nút giao lộ) 22TCN 273-01;

- Các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành

- Các quy trình quy phạm thi công hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Căn cứ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt, Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố tổ chức triển khai các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành và đảm bảo tiến độ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân thành phố, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, Trưởng Phòng giao dịch số 2 - Kho bạc Nhà nước Khu vực XVI, Giám đốc Ban Quản lý dự án Đầu tư xây dựng thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- TT. Thành ủy;
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Lưu: VT. 

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Ngọc Cường

